

Số: 2277/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh,
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ, về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPVP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Trung tâm Phục vụ HCC;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Website VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, PKSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Yên



DANH MỤC VIỆC TỰC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
PHỤ CỤC 1: QUYỀN CỦA UBND TỈNH, SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH LÂM ĐỒNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 83/11 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I LÂM NGHIỆP					
01	Giao rừng cho tổ chức	36 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 38/2007/TT-BNNPTNT ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn trình tự thủ tục giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng cho tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, sửa đổi bổ sung một số điều của các Thông tư 38/2007/ TT-BNNPTNT, 78/2011/TT-BNNPTNT, 25/2011/TT-BNNPTNT, 47/2012/TT-BNNPTNT, 80/2011/TT-BNNPTNT, 99/2006/TT-BNN. - Nghị định số 57/2008/NĐ-CP ngày 02/5/2008 của Chính phủ về quản lý các khu bảo tồn biển Việt Nam có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 10/2014/TT-BNNPTNT ngày 26/3/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, về tiêu chí xác định vùng đệm của khu rừng đặc dụng và vành đai bảo vệ của khu bảo tồn thiên nhiên.
02	Thẩm định, phê duyệt báo cáo xác định vùng đệm khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn biển thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	

03	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.
04	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng cấp tỉnh	50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
05	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
06	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

07	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh giảm diện tích đất với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/03/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
08	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/3006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
09	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng tự tổ chức hoặc liên kết với tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, vui chơi giải trí lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/3006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

10	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
11	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái lập dự án du lịch sinh thái đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ. - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
12	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh các phân khu chức năng không làm thay đổi diện tích khu rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
13	Thẩm định, Phê duyệt điều chỉnh tăng diện tích đối với khu rừng đặc dụng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thuộc địa phương quản lý	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

14	Cho thuê rừng đối với tổ chức	36 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 38/2007/TT-BNNPTNT ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
15	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng mà tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, để nghị giám diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2007/TT-BNN&PTNT ngày 25/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/BN-PTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính về bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/2010 ngày 15/12/2007 của Chính phủ.
16	Thẩm định phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	30 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 38/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn về Phương án quản lý rừng bền vững

17	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 9/9/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn việc trồng cao su trên đất lâm nghiệp; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
18	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý rừng; - Quyết định số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ, về sửa đổi quy chế quản lý rừng kèm theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ.
19	Thẩm định, phê duyệt đề án thành lập Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý)	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
II PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
1	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v)	Chưa quy định	- Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; - Thông tư 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v)	Chưa quy định	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v)	Chưa quy định	- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4	Bổ trí ổn định dân di cư ngoài tỉnh	70 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v)	Chưa quy định	- Thông tư số 19/2015/TT-BNNPTNT, ngày 27/4/2015 quy định Quy trình bố trí dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ

B. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT					

01	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng	- 07 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; - 05 ngày làm việc sẽ trả lại hồ sơ nếu hồ sơ không đáp ứng yêu cầu.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về chúng nhân hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng
02	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v).	Không	Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm
03	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v).	Không	Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

04	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v).	Không	Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
05	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v).	600.000 đồng/lần	- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/11/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quảng cáo; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính, ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 về quản lý thuốc Bảo vệ thực vật.
06	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	24 giờ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về kiểm dịch thực vật nội địa.

07	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	21 ngày làm việc không kể thời gian bỏ sung, hoàn thiện hồ sơ. 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v).	800.000 đồng/lần	- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thương; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
08	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	21 ngày làm việc không kể thời gian bỏ sung, hoàn thiện hồ sơ; 07 ngày làm việc không kể thời gian bỏ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản; 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v).	800.000 đồng/lần	- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Thông tư số 231/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

09	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.v).	Không	- Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	500.000 đồng/lần	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài Chính.
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	200.000 đồng/lần	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.

12	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	3.000.000 đồng/lần	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chi hoạt động đóng gói phân bón	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cấp lại khi hết hạn; 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với bị mất, hư hỏng, thay đổi nội dung thông tin ghi trên giấy chứng nhận.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	1.200.000 đồng/lần	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.
14	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo phân bón. 01 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký hội thảo phân bón.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (moticua.lamdong.gov.vn).	Không	- Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

II. CHĂN NUÔI, THÚ Y VÀ THỦY SẢN

01	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc hướng dẫn việc quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/04/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.
02	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale-CFS) đối với Giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

03	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp gia hạn.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	50.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y. - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC.
04	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) – cấp tỉnh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	50.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

05	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp, cấp lại do hết hạn; - 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Phí kiểm tra đề cấp do hết hạn: theo loại hình quy định tại Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.	- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về Kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
06	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	230.000 đồng/lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.
07	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

08	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	900.000 đồng/giấy	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
09	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (cấp tỉnh)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
10	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
11	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT

12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	- 07 ngày làm việc việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đã được đánh giá định kỳ chưa quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
13	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp đã được đánh giá định kỳ không quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các trường hợp còn lại.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

14	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc thủy sản).	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT
15	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bỏ sung nội dung chứng nhận.	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
16	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bỏ sung nội dung chứng nhận	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
17	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	300.000 đồng/lần kiểm tra	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

18	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng theo quy định; - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp khác.	Theo địa bàn Trạm kiểm dịch động vật được phân cấp thực hiện.	Tùy theo loại động vật, sản phẩm động vật, thu theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
19	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm	- 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật, sản phẩm động vật đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch theo quy định; - 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ	Theo địa bàn Trạm kiểm dịch động vật được phân cấp thực hiện.	Tùy theo loại động vật, sản phẩm động vật, thu theo TT 285/2016/TT-BTC	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

		sơ hợp lệ đối với trường hợp khác khi có yêu cầu.			
20	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch; Động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định khi có yêu cầu của chủ hàng. - 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh.	Theo địa bàn Trạm kiểm dịch động vật được phân cấp thực hiện.	- Kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: Lô hàng/ xe ô tô: 100.000 đồng; - Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu để chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản: Container/lô hàng: 100.000 đồng.	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

21	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm.	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp xuất phát từ vùng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố dịch; Động vật thủy sản xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định khi có yêu cầu của chủ hàng. - 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với động vật thủy sản xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh.	Theo địa bàn Trạm kiểm dịch động vật được phân cấp thực hiện.	- Kiểm tra lâm sàng động vật thủy sản: Lô hàng/ xe ô tô: 100.000 đồng; - Bột cá, dầu cá, mỡ cá, bột tôm, bột sò và các sản phẩm từ thủy sản khác dùng làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm, thủy sản: Container/lô hàng: 100.000 đồng.	- Luật Thú y ngày 19/6/2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
----	---	---	--	---	---

22	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, kinh doanh động vật, SPDV; cơ sở GM động vật tập trung.	-15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ làm việc đối với trường hợp cấp mới, cấp lại do Giấy chứng nhận An toàn thực phẩm hết hạn. -05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ làm việc đối với trường hợp mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	- Phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: đối với trường hợp cấp và cấp lại do Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hết hạn 700.000 đồng/cơ sở. - Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận ATTP: Không thu phí.	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TT-LT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của liên Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương hướng dẫn phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
----	--	--	---	--	---

23	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	40.000 đồng/giấy	- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 3/7/2006 của Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn) về việc ban hành quy chế đăng ký tàu cá và thuyền viên; - Quyết định số 31/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí về công tác khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; - Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.
24	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/05/2013 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Quản lý giống thủy sản; - Quyết định 57/2008/QĐ-BNN ngày 02/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành danh mục giống thủy sản được phép sản xuất, kinh doanh

III. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

01	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	30.000 đồng/01lần/01 người	- Thông tư số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BTC ngày 09/4/2014 của Bộ y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công thương về Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.
02	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 700.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 75/2009/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất nông sản; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT “Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm”; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

03	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 700.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 75/2009/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
04	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận)	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 700.000 đồng/cơ sở	- Thông tư số 75/2009/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2009 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

IV. PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

01	Phê duyệt dự án hoặc phương án cảnh đồng lớn (áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ sung, kéo dài thời gian thực hiện Dự án hoặc phương án cảnh đồng lớn)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	Nghị định số 98/NĐ/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ, về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có hiệu lực từ ngày 20/8/2018
02	Thẩm định phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư	45 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt;	Chưa quy định	- Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2015 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về hướng dẫn thực hiện một số điều quy định

			- Dịch vụ bưu chính công ích.		tại Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ, về chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.
03	Thẩm định , phê duyệt đề cương dự toán kinh phí xây dựng dự án đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện	10 ngày làm việc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	Thông tư số 22/2015/TT-BNNPTNT, ngày 10/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

V. THỦY LỢI

01	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi
02	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

03	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi từ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
04	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
05	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

06	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
07	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
08	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
09	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
10	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

11	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bản, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
12	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
13	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
14	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sắp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.

15	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong tương hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Chưa quy định	- Luật thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ.
----	---	--	--	---------------	---

VI. LÂM NGHIỆP

01	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật đầu tư công ngày 18/6/2014; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.
02	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật đầu tư công ngày 18/6/2014 của Quốc hội - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ; - Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ - Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.
03	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác	35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

04	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 24/9/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
05	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm công nhận: cây trổi; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	- Gồng cây lâm nghiệp mới: 4.500.000 đ/01 lần; - Lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng - Rừng giống, vườn giống: 2.400.000 đồng	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.
06	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	600.000 đồng	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.
07	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	600.000 đồng	- Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính.

08	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)	20-35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt là rừng sản xuất
09	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ của tổ chức.	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về khai thác chính và tận dụng tận thu lâm sản; - Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi Thông tư 21/2016 về khai thác chính và tận dụng tận thu lâm sản. - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 9/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý rừng phòng hộ.
10	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 87/2009/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thiết kế khai thác chọn gỗ rừng tự nhiên; - Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
11	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	

12	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
13	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ của tổ chức	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
14	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	13 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
15	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phần của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

16	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES	10 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích; - Một cửa điện tử (motcua.lamdong.gov.vn).	Không	Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp
17	Giao nộp gấu cho nhà nước	5 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy chế quản lý gấu nuôi
18	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	15 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
19	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác tận dụng gỗ khi chuyển rừng sang trồng cao su của tổ chức (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ không hoàn lại)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
20	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	10 ngày làm việc kể từ ngày nhân đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng, 36 Trần Phú, Phường 4, Đà Lạt; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 7/9/2006 của Chính phủ về quản lý rừng; - Quyết định số 34/2011/QĐ-TTg ngày 24/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy chế quản lý rừng kèm theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg.

C. THỦ TỤC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HẠT KIỂM LÂM

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp; cây xử lý tịch thu	- 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý cây cảnh cây bóng mát cây cỏ thụ
02	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên trong nước của tổ chức xuất ra; lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu chưa qua chế biến ở trong nước của tổ chức, cá nhân xuất ra; động vật rừng gây nuôi trong nước và bộ phận dẫn xuất của chúng của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản sau chế biến từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, gỗ nhập khẩu, gỗ sau xử lý tịch thu của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân xuất ra; lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các địa điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh) - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản

03	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp không giải quyết cho phép vận chuyển phải có văn bản trả lời người đề nghị về lý do không giải quyết.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
04	Đóng dấu búa kiểm lâm	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định 44/2006/QĐ-BNN của Bộ Nông nghiệp và PTNT, quy chế về đóng dấu búa bài cây, búa kiểm lâm. - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
05	Cấp bổ sung giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
06	Cấp đổi giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

07	Cấp giấy chứng nhận trái nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ - Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
08	Xác nhận mẫu vật khai thác là động vật rừng thông thường.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	Không	Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
09	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng hoặc rừng phòng hộ và cây xử lý tích thu thuộc phạm vi quản lý của Hạt Kiểm lâm (đối với các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ có Hạt Kiểm lâm thuộc tỉnh)	- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh); - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Không	Quyết định 39/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ
10	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đối với lâm sản xuất ra có nguồn gốc khai thác hợp pháp trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và lâm sản sau xử lý tích thu	- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh); - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Hạt Kiểm lâm rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	Không	Thông tư 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CƠ QUAN KHÁC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thực hiện	Phí, Lệ phí	Căn cứ pháp lý
01	Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với cộng đồng dân cư thôn (cấp tỉnh)	35 ngày làm việc	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ	không	Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước
02	Khoán công việc và dịch vụ (cấp tỉnh)	Không quy định	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ	không	Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ
03	TTHC Khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước ổn định lâu dài đối với hộ gia đình, cá nhân (cấp tỉnh)	35 ngày làm việc	Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ	không	Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ

Tổng số: 116 thủ tục